

Kim Động, ngày 21 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo
Kèm theo Quyết định số /QĐ-THCSLQĐ ngày 21/6/2025 v/v Công khai, minh bạch
trong đơn vị năm học 2024-2025)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Lê Quý Đôn báo cáo công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu – chi tài chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

- Tên trường: Trường THCS Lê Quý Đôn.
- Tên trước đây: Trường .

2. Địa chỉ:

Thôn Lương Hội, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0984066297

Website: <http://c2lequydon.hungyen.edu.vn>

Email: c2lequydonkd.hungyen@moet.edu.vn

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình: Công lập.

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Kim Động.

Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

***Tầm nhìn:**

Trở thành ngôi trường công lập đi đầu về chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn trong hệ thống các trường tại các xã trong khu vực.

Trở thành một mô hình điển hình của một ngôi trường hạnh phúc, kiến tạo hạnh phúc cho từng thành viên.

***Sứ mệnh :**

Hành động vì sự tiến bộ của mỗi cá nhân (học sinh, giáo viên, nhân viên) để kiến tạo một ngôi trường hạnh phúc.

***Giá trị cốt lõi:**

Hệ giá trị cốt lõi của trường bao gồm **NĂNG ĐỘNG - TRÍ TUỆ - TRÁCH NHIỆM - HỘI NHẬP**, khuyến khích sự sáng tạo, khả năng thích ứng và phát triển toàn diện cho học sinh.

Năng động: Phát triển năng lực học tập, làm việc, và thích ứng trong môi trường thay đổi.

Trí tuệ: Nuôi dưỡng trí thông minh, sự sáng tạo và tư duy phản biện cho học sinh.

Trách nhiệm: Nâng cao ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và cộng đồng.

Hội nhập: Giúp học sinh phát triển kỹ năng vượt qua rào cản văn hóa, ngôn ngữ, và trở thành công dân toàn cầu.

5. Mục tiêu:

5.1. Mục tiêu chung

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CT GDPT 2018) đối với tất cả các khối lớp, trong đó tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện triển khai CT GDPT 2018 đối với lớp 9 bảo đảm hoàn thành chương trình năm học và nâng cao chất lượng giáo dục. Chuẩn bị tổ chức đánh giá tổng kết việc triển khai thực hiện CT GDPT 2018 giai đoạn 2020-2025.

Thực hiện hiệu quả việc quản lý giáo dục, quản trị trường học; bảo đảm dân chủ, kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả trong các cơ sở giáo dục; tổ chức tốt các phong trào thi đua. Tăng cường công tác tư vấn, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra theo thẩm quyền.

Tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu triển khai CT GDPT 2018; thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS. Thực hiện có hiệu quả Đề án số 03-ĐA/HU ngày 26/5/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về nâng cao chất lượng Giáo dục - Đào tạo huyện Kim Động giai đoạn 2020-2025, lồng ghép với Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 23/8/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất Chương trình giáo dục mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong cơ sở giáo dục. Triển khai thực hiện hiệu quả, thiết thực chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục.

Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; đa dạng hóa các hình thức giáo dục, đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh; triển khai ứng dụng công nghệ số trong dạy và học.

Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện CT GDPT 2018; chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên, bảo đảm đủ giáo viên để tổ chức dạy học các môn học trong Chương trình.

Thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới giáo dục trung học cơ sở; bảo đảm trường học an toàn và nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện tốt quyền tự chủ nhà trường trong việc thực hiện KHGD trên khung chương trình GD 35 tuần của Bộ GD&ĐT

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, an toàn, nền nếp - kỷ cương, đề cao chất lượng giáo dục toàn diện, để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, năng lực của mình.

Phát triển 5 phẩm chất chủ yếu, 10 năng lực cốt lõi theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, học sinh năng khiếu, các hoạt động trải nghiệm.

Xây dựng cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục.

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, thực hiện thường xuyên và hiệu quả các phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học tích cực, tăng cường đổi mới

PPDH, và kiểm tra đánh giá theo phẩm chất năng lực người học. Triển khai giáo dục STEM, thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, đẩy mạnh việc đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Tập trung nâng cao chất lượng đại trà và chất lượng mũi nhọn. Trường học là địa chỉ tin cậy của học sinh và phụ huynh, xứng đáng là ngôi trường đứng đầu huyện về mọi mặt

Thực hiện nghiêm nền nếp, kỷ cương, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử và sức khỏe cho học sinh trong trường, bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

5.2. Mục tiêu cụ thể

* Học sinh

Đánh giá kết quả rèn luyện

Mức đánh giá	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số lượng học sinh	515	28	0	0
%	95	5	0	0

Đánh giá kết quả học tập

Mức đánh giá	Xuất sắc	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số lượng	27	298	206	12	0
%	5	55	38	2	0

- Học sinh lớp 9 tốt nghiệp đạt tỉ lệ 100%.

- Học sinh lớp 9 vào PTTH hệ công lập đạt 100%. Số em đạt thủ khoa: 02 em. Số em đỗ vào THPT chuyên: 35 em

+ **Chất lượng mũi nhọn:**

- Học sinh giỏi tỉnh: 50% số học sinh dự thi đạt giải trở lên (38-40 em; Phần đầu có 02 giải nhất).

- Học sinh giỏi cấp huyện: 9 bộ môn lớp 9: 100% các em tham gia dự thi đạt giải (trong đó có 06 giải nhất)

- Thi nghiên cứu KHKT: Đạt từ giải ba cấp huyện trở lên

- Học sinh xuất sắc cấp trường: 27 em, đạt tỉ lệ 5%

- Học sinh được khen thưởng: Đạt tỉ lệ 60% trở lên

- Tham gia đầy đủ các hội thi do Phòng hoặc phối hợp với các ngành khác tổ chức.

- Vận động 100% học sinh tham gia Bảo hiểm y tế.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên 1 lần/năm học.

- Tổ chức thực hiện đối thoại giữa cán bộ quản lý nhà trường với học sinh ít nhất 01 lần/học kỳ.

- Cập nhật cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác, đúng thời gian.

- Giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn; có mô hình nhà vệ sinh cho học sinh và giáo viên đảm bảo sạch, đẹp, thân thiện, hiện đại.

- Tổ chức chuyên đề giáo dục kỹ năng sống, giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực học đường cho học sinh, giáo dục cách phòng chống xâm hại cho học sinh, ít nhất 01 lần/học kỳ. - Tiếp tục duy trì sinh hoạt CLB thể thao, Đội, Robot và mở rộng các câu lạc bộ STEM, Tiếng Anh, Văn học...

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, công vụ tại nhà trường.

- Phần đầu học sinh được phổ cập bơi tăng cao so với năm học trước

*** Đội ngũ**

a) Xếp loại viên chức cuối năm: 100% HTNV trong đó 100% HTTNV trở lên; 20% HTXS

b) Danh hiệu thi đua cuối năm

- Cá nhân

+ Đạt LĐTT: 28 đạt tỷ lệ 100%

+ Đạt CSTĐ cấp tỉnh: 01 thầy cô

+ Đạt CSTĐ cấp cơ sở: 05-06 thầy cô

+ Bằng khen các cấp: 01 thầy cô

+ Giấy khen các cấp: 04 thầy cô

+ Giải huyện; Số lượng: 04 thầy cô

- Tập thể:

+ Trường đạt danh hiệu: Tập thể lao động XS

+ Tổ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 02

+ Chi bộ Đảng, các đoàn thể đạt danh hiệu vững mạnh.

- 100% giáo viên được kiểm tra đánh giá về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực hoạt động sư phạm và được xếp loại khá, tốt, 100% cán bộ giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên.

- Hoàn thành công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng giữ vững danh hiệu trường đạt chuẩn quốc gia.

*** Hoạt động giáo dục**

- Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương.

- Đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh. Nội dung đổi mới được xác định cụ thể trong kế hoạch hoạt động chuyên môn của từng từng tổ chuyên môn.

- Thực hiện hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học còn hạn chế theo kế hoạch của nhà trường và theo quy định của các cấp quản lý giáo dục.

- Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, khuyến khích sự tham gia chủ động, tự giác của học sinh.

- Giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

- Học sinh tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, nhà trường.

- Xây dựng đội ngũ có năng lực chuyên môn vững vàng, có tư tưởng chính trị đạo đạo đức lối sống lành mạnh, tâm huyết với nghề. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên.

- Nâng cao chất lượng dạy học, quan tâm giáo dục toàn diện cho học sinh, dạy học lấy học sinh làm trung tâm, lấy kết quả về năng lực, phẩm chất của học sinh làm thước đo cho hiệu quả dạy học của nhà trường.

6. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Lê Quý Đôn là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc quản lý của UBND huyện Kim Động, chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên, Phòng GD&ĐT Kim Động, có chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trường trung học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Trường thực hiện chức năng tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp THCS do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Trường thực hiện chức năng quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục; phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục; thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục.

Trường thực hiện việc quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước; tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Trường THCS Lê Quý Đôn nằm tại khu trung tâm của huyện Kim Động, thuộc địa bàn của thị trấn Lương Bằng. Khuôn viên trường rộng rãi với 4 khu nhà cao tầng kiên cố, thoáng mát, môi trường luôn xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện.

Trường THCS Lê Quý Đôn được thành lập từ năm 1996, là phân hiệu 2 của trường Chuyên Kim Thi thuộc huyện Kim Thi. Sau khi huyện Kim Thi được tách thành 2 huyện Kim Động và Ân Thi năm 1996, trường trở thành trường THCS độc lập và mang tên trường Năng khiếu Kim Động. Năm 1997 trường đổi tên thành trường THCS Lê Quý Đôn nằm trên địa bàn thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động. Hàng năm nhà trường được UBND huyện và phòng GD&ĐT Kim Động giao chỉ tiêu tiểu sinh là các em học sinh hoàn thành chương trình tiểu học từ các trường tiểu học, TH&THCS trên địa bàn huyện.

Năm học 2024-2025 trường có 12 lớp (03 lớp 6, 03 lớp 7, 03 lớp 8, 03 lớp 9) với 543 học sinh; có 12 phòng học kiên cố cao tầng, 01 phòng họp, 01 phòng làm việc của Hiệu trưởng, 01 phòng làm việc của Phó Hiệu trưởng, 01 phòng thư viện, 09 phòng học bộ môn; trường có tường bao, cổng trường, biển trường, cảnh quan xanh - sạch - đẹp; có 28 cán bộ, giáo viên, nhân viên (cán bộ quản lý: 02, giáo viên: 23, nhân viên: 03), 100% giáo viên đạt chuẩn, có 03 cán bộ, giáo viên trình độ trên chuẩn (tỷ lệ: 10%), được bố trí thành 02 tổ. Trường có 05 giáo viên được công nhận danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh (tỷ lệ: 21% tổng số cán bộ, giáo viên nhà trường), 23/23 giáo viên được công nhận danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện.

Trải qua 29 năm xây dựng và phát triển, được sự quan tâm của Huyện ủy, UBND huyện Kim Động, phòng GD&ĐT Kim Động quy mô phát triển giáo dục của trường luôn được duy trì ổn định; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường được đầu tư xây dựng, mua sắm, đáp ứng yêu cầu dạy và học; chất lượng giáo dục của nhà trường ổn định và từng bước phát triển, vị thế của trường từng bước khẳng định và đã đạt được một số thành tích đáng ghi nhận. Nhà trường đã khẳng định được vị trí quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh, chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường luôn dẫn đầu các trường THCS trong toàn huyện. Tháng 12 năm 2023 trường được UBND tỉnh tiếp tục ký quyết định công nhận “Trường đạt chuẩn quốc gia” mức độ 1. Năm học 2016 - 2017; 2020-2021 được UBND tỉnh Hưng yên tặng cờ thi đua; năm học 2021 - 2022 nhà trường được UBND tỉnh Hưng yên tặng bằng khen; Năm học 2023-2024 được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc.

Chi bộ đảng và các đoàn thể của nhà trường hoạt động tích cực, nhiều năm liền đạt danh hiệu vững mạnh xuất sắc. Chi bộ Đảng luôn đạt trong sạch vững mạnh, hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ. Công đoàn liên tục đạt danh hiệu xuất sắc, được nhận giấy khen của Liên đoàn lao động tỉnh. Liên đội luôn đạt vững mạnh tiêu biểu, được nhận Bằng khen của Ban chấp hành tỉnh đoàn Hưng Yên.

7. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Bà Phạm Thị Yển.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Lương Hội, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Số điện thoại: 0986176927

Email: yenvinh172@gmail.com

8. Tổ chức bộ máy:

8.1. *Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):* Không còn.

8.2. *Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:*

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TTBGDDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT), Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 V/v Kiện toàn Hội đồng trường và công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường, nhiệm kỳ 2021-2026 với 11 thành viên

8.3. *Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:*

Hiệu trưởng: Phạm Thị Yển.

+ Ngày tháng năm sinh: 17/06/1978.

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Lê Quý Đôn ngày 01/09/2022 theo Quyết định số 2188/QĐ- CT UBND ngày 27/8/2022 của CTUBND huyện Kim Động.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 01 năm 09 tháng.

Phó hiệu trưởng: Nguyễn Thị Lê Phương

+ Ngày tháng năm sinh: 17/7/1978.

Bổ nhiệm lại giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Lê Quý Đôn vào ngày 01/04/2021 theo Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 31/03/2021 của UBND huyện Kim Động.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 08 năm 02 tháng.

8.4. *Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.*

8.4.1. Cơ chế hoạt động của trường THCS Lê Quý Đôn

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền

quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

8.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Trường THCS Lê Quý Đôn là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc quản lý của UBND xã Lương Bằng, chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên, có chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trường trung học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Trường thực hiện chức năng tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp THCS do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Trường thực hiện chức năng quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục; phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục; thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục.

Trường thực hiện việc quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước; tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 28 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 28 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
- + 02 tổ chuyên môn và bộ phận Văn phòng.
- + 12 lớp học với 543 học sinh.

9. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; (Có văn bản kèm theo).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

1. Số biên chế được giao năm 2025:

Số biên chế được giao năm 2025: 28

Số biên chế hiện tại: 28

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	1	
Phó Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	0	
Giáo viên	23	18	1	0	23	02	
Nhân viên	3	3	0	0	3	0	
Cộng	28	23	1	0	28	03	

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Kết quả bồi dưỡng hàng năm		Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới	Số	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung

								TC	lượng				bình	
	Tổng số GV, CBQL và NV	28	0	3	25	0	0	0	28	100	19	6	0	0
I	Giáo viên	23	0	2	21	0	0	0	23	100	17	6	0	0
	Trong đó số giáo viên dạy môn:													
1	Toán	4	0	1	3	0	0	0	4	100	3		0	0
2	Vật lý	1	0	0	1	0	0	0	1	100	1		0	0
3	Hóa học	1	0	0	1	0	0	0	1	100	1		0	0
4	Sinh học	1	0	0	1	0	0	0	1	100	1		0	0
5	Tin học	2	0	0	2	0	0	0	2	100	2		0	0
6	Ngữ văn	3	0	0	3	0	0	0	3	100	2	1	0	0
7	Lịch sử	1			1				1	100		1	0	0
8	Địa lý	1		1					1	100	1		0	0
9	GDKT&PL	1			1				1	100	1		0	0
10	NN	3			3				3	100	1	2	0	0
11	CN	1			1				1	100	1		0	0
12	GDTC	2			2				2	100	1	1	0	0
13	GDQP&AN	0							0				0	0
II	Cán bộ quản lý													
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	1	100	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	1	100	1	0	0	0
III	Nhân viên													
1	Văn thư	1	0	0	1	0	0	0						
2	Kế toán	1	0	0	1	0	0	0						
3	Thủ quỹ	0	0	0		0	0	0						
4	Nhân viên y tế	0	0	0		0	0	0						
5	Thiết bị TN	1	0	0	1	0	0	0						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân/đối sánh với yêu cầu tối thiểu
I	Số phòng học	12	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	Đạt yêu cầu
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	

5	Số phòng học bộ môn	8	Đạt yêu cầu
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	Đạt yêu cầu
8	Bình quân học sinh/lớp	44.54	Đạt yêu cầu
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.639	10.88 m ² /1 học sinh (Đạt yêu cầu)
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	804	Đạt yêu cầu
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	630	Đạt yêu cầu
3	Diện tích thư viện (m ²)	128	Đạt yêu cầu
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	18/48	Đạt yêu cầu
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 6	1	Đạt yêu cầu
1.2	Khối lớp 7	1	Đạt yêu cầu
1.3	Khối lớp 8	1	Đạt yêu cầu
1.4	Khối lớp 9	1	Đạt yêu cầu
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	Xưởng trường	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45	Số học sinh/bộ 12
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác	20	
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	05	
2	Cát xét	2	Đạt yêu cầu
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	Đạt yêu cầu
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	Đạt yêu cầu
5	Thiết bị khác...	20	Đạt yêu cầu

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Điện lưới	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

Trường THCS Lê Quý Đôn đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Đã tự đánh giá chất lượng giáo dục để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về Sở GDĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác

động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Lê Quý Đôn đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm các thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ, lãnh đạo trường, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ Văn phòng, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1. Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, sẽ mời đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra công nhận vào tháng 11/2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Cam kết chất lượng giáo dục của nhà trường năm học 2024 – 2025

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Chương trình giáo dục nhà trường thực hiện	Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.			
2	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Gia đình và Xã hội, làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường - GVCN thông báo với phụ huynh về tình hình học tập của học sinh qua: - Các cuộc họp phụ huynh. - Gặp gỡ trực tiếp - Trao đổi điện thoại			
3	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Hỗ trợ chi phí học tập. - Miễn giảm học phí. - Tặng học bổng.			

4	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường.			
5	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 5 phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Những năng lực chung, được tất cả các môn học và hoạt động giáo dục góp phần hình thành, phát triển: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Những năng lực chuyên môn, được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: Năng lực ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.			
6	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100%	100%	100%	100%

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường năm học 2024 – 2025

*Kết quả hai mặt giáo dục

LỚP	SỐ	KẾT QUẢ HỌC TẬP								KẾT QUẢ RÈN LUYỆN							
		TỐT		KHẢ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT		TỐT		KHẢ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
9A	45	34	76%	11	24%	0	0%	0	0%	42	93%	3	7%	0	0%	0	0%
9B	47	25	53%	21	45%	1	2%	0	0%	43	91%	4	9%	0	0%	0	0%
9C	45	30	67%	15	33%	0	0%	0	0%	41	91%	4	9%	0	0%	0	0%
K8	137	89	65.0%	47	34%	1	0.7%	0	0	126	92.0%	11	8.0%	0	0	0	0
8A	45	21	47%	24	53%	0	0%	0	0%	36	80%	4	9%	5	11%	0	0%
8B	47	17	36%	27	57%	3	6%	0	0%	42	89%	5	11%	0	0%	0	0%
8C	43	19	44%	23	53%	1	2%	0	0%	38	88%	5	12%	0	0%	0	0%
K8	135	57	42.2%	74	54.8%	4	3.0%	0	0%	116	85.9%	14	10.4%	5	3.7%	0	0.0%
7A	46	18	39%	27	59%	1	2%	0	0%	41	89%	4	9%	1	2%	0	0%
7B	46	31	67%	15	33%	0	0%	0	0%	41	89%	5	11%	0	0%	0	0%
7C	45	24	53%	20	44%	1	2%	0	0%	40	89%	5	11%	0	0%	0	0%
K7	137	73	53.3%	62	45.3%	2	1.5%	0	0%	122	89.1%	14	10.2%	1	0.7%	0	0%
6A	45	25	56%	19	42%	1	2%	0	0%	42	93.3%	3	7%	0	0%	0	0%
6B	44	20	45%	23	52%	1	2%	0	0%	40	90.9%	4	9%	0	0%	0	0%
6C	44	18	41%	25	57%	1	2%	0	0%	41	93.2%	3	7%	0	0%	0	0%
K6	133	63	47.4%	67	50.4%	3	2.3%	0	0	123	92.5%	10	7.5%	0	1.0%	0	0
Tổng GDTT 2018	542	282	52.03%	250	46.13%	10	1.85%	0	0	487	89.9%	49	9.0%	6	1.1%	0	0.0%

*Danh hiệu học sinh

LỚP	SỐ SỐ	HSG		XUẤT SẮC		KHÔNG KHEN	
		SL	%	SL	%	SL	%
9A	45	34	76%	4	9%	7	16%
9B	47	25	53%	4	9%	18	38%
9C	45	30	67%	6	13%	9	20%
K9	137	89	65.0%	14	10.2%	34	24.8%
8A	45	17	38%	1	2%	27	60%
8B	47	17	36%	0	0%	30	64%
8C	43	18	42%	1	2%	24	56%
K8	135	52	38.5%	2	1.5%	81	60.0%
7A	46	18	39%	1	2%	27	59%
7B	46	25	54%	6	13%	15	33%
7C	45	22	49%	2	4%	21	47%
K7	137	65	47.4%	9	6.6%	63	46.0%
6A	45	24	53%	1	2%	20	44%
6B	44	20	45%	0	0%	24	55%
6C	44	18	41%	0	0%	26	59%
K6	133	62	46.6%	1	0.8%	70	52.6%
Tổng trường	542	268	49.4%	26	4.8%	248	45.8%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh Phí:

+ Ngân sách nhà nước: 7.016.022.653 đồng

Nguồn thường xuyên: 5.572.691.134 đồng

Nguồn không thường xuyên: 1.060.839.627 đồng

+ Học phí : 223.780.000 đồng

+Tiền thưởng : 158.707.892 đồng

1.2. Các khoản chi phân theo:

- Chi tiền lương và thu nhập: 4.910.396.678 đồng

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 886..078.456 đồng

- Chi hỗ trợ người học: đồng

- Chi thưởng : 158.707.892 đồng

- Chi khác: : 1.060.839.627đồng

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học 2024-2025 và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

- Tiền học phí: 44.000 đồng/HS/tháng

- Tiền nước uống: 6000 đồng/HS/tháng

- Tiền trông giữ xe đạp điện: 12000đồng/tháng/HS

- Tiền trông giữ xe đạp thường: 6.000 đồng/HS/tháng

- Tiền học thêm: 2.500 đồng/1 HS/1 tiết

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Thực hiện kịp thời và đúng theo qui định

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

Số dư các quỹ theo quy định:

- Ngân sách nhà nước (Nguồn không thường xuyên): 0 đồng
- Học phí : 0 đồng
- Thu khác : 0

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Chất lượng đại trà

+ Kết quả rèn luyện: Tốt: 502 em đạt tỷ lệ 92,6% ; Khá: 38 em đạt tỷ lệ 7,0%

+ Kết quả học tập: Tốt: 369 em đạt tỷ lệ 68,1%; Khá: 165 em đạt tỷ lệ 30,4% ; Đạt: 8 em chiếm tỷ lệ 1,5%

*** Học sinh đạt danh hiệu:**

Xuất sắc: 57 em đạt tỷ lệ 10,52;

Học sinh giỏi: 312, đạt tỷ lệ 57,56%

Học sinh được khen thưởng: 369 em đạt tỷ lệ 62%

2. Chất lượng mũi nhọn:

- 02 học sinh đạt giải ba cấp tỉnh tại cuộc thi NCKHKT,
- 42 em học sinh được công nhận học sinh giỏi cấp tỉnh các bộ môn văn hóa do Sở Giáo dục tỉnh Hưng Yên tổ chức; trong đó là một trong rất ít trường chất lượng cao có 02 em HS đạt giải nhất (tăng 05 em so với năm học trước);

- 39 em đạt danh hiệu HSG cấp huyện với 06 em đạt giải nhất (tăng 06 em so với năm học 2023-2024);

- Thi học sinh giỏi môn Toán, Văn, Anh lớp 6,7,8

STT	Môn	Tổng số giải	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích
1.	Toán 6	18	1	3	5	9
2.	Văn 6	14	1	2	5	6
3.	Anh 6	16	1	3	4	8
4.	Toán 7	18	1	3	6	8
5.	Văn 7	13	1	2	5	6
6.	Anh 7	13	1	2	4	6
7.	Toán 8	16	1	3	5	7
8.	Văn 8	13	1	2	4	6
9.	Anh 8	11	1	2	3	5
10	KHTN 8	14	1	3	4	6
11	LS- ĐL	12	1	2	4	6
Tổng		158	11	27	49	73

3. Cuộc thi trên mạng Internet:

*** Violympic Toán**

- Cấp tỉnh: 81 học sinh đạt giải, trong đó có: 03 Huy chương vàng; 08 huy chương bạc; 02 huy chương đồng ; 68 giải khuyến khích

- Cấp Quốc gia: 10 học sinh đạt giải, trong đó có: 1 huy chương vàng ; 1 huy chương bạc, 8 khuyến khích

*** IOE**

- Vinh danh cấp quốc gia : 09 lượt HS
- Thi cấp tỉnh: có 34 HS đạt giải, trong đó có: 05 giải nhất, 09 giải nhì, còn lại giải ba và KK

- Thi cấp Quốc Gia: có 03 HS đạt huy chương đồng

* Toán vnedu cấp Tỉnh: 04 học sinh đạt giải

4. Kết quả thi vào lớp 10 THPT và lớp 10 chuyên

Đứng thứ nhất toàn huyện: THPT Chuyên: 35 HS đỗ.

Đỗ vào các trường THPT không chuyên; 137/137 em, đạt tỷ lệ 100%

=> 01 em thủ khoa trường THPT Kim Động (28,5 điểm); 01 em á khoa (28 điểm)

5. Tổ chức các hoạt động giáo dục

- Tổ chức thành công Lễ khai giảng, lễ kỷ niệm ngày 20/11
- Tổ chức thành công các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp tại trường theo các chủ đề: Ứng phó với căng thẳng và áp lực; Trách nhiệm của người học sinh; Nói không với bạo lực học đường; Yêu thương với người thân trong gia đình; Tôn trọng người lao động; Bảo vệ môi trường... đảm bảo 01 chủ đề/tháng (các lớp thực hiện bám sát các chủ đề trong chương trình HĐTNHN của các khối lớp, đầu tư về nội dung, hình thức).
- Tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài trường cho 4 khối tại khu di tích lịch sử Thành cổ Sơn Tây và KDL Khoang Xanh suối tiên.
- Tham gia ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng do hoàn lưu bão số 3 tổng số tiền 24.685.000 đồng
- Phối kết hợp với công an huyện Kim Động đến tuyên truyền cho học sinh toàn trường các quy định khi tham gia giao thông đường bộ, quy định phòng chống cháy nổ, phòng chống ma túy và các chất gây nghiện...
- Tham gia thi vòng Bán kết Gameshow “Thấp sáng tài năng xứ Nhân” năm 2024 đạt giải Nhất vòng loại và các vòng bán kết, được chọn là 1 trong 4 trường trong toàn tỉnh tham gia vòng chung kết đạt giải Ba.
- Tổ chức mua tấm ủng hộ người mù huyện Kim Động, ủng hộ hội chữ thập đỏ huyện, Ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc da cam...
- Tham gia ủng hộ học sinh của trung tâm khuyết tật Chiến Công tại Ân Thi số tiền 5.947.000 đồng.
- Phối kết hợp với công an huyện tỉnh Hưng yên, Sở lao động TB&XH; Cơ quan trợ giúp Pháp lý tỉnh Hưng Yên đến tuyên truyền cho học sinh toàn trường kỹ năng sử dụng không gian mạng an toàn, phòng chống các chiêu trò lừa đảo qua mạng xã hội; phòng chống cháy nổ và tham gia giao thông an toàn.
- Tổ chức mua tấm ủng hộ người mù huyện Kim Động, ủng hộ hội chữ thập đỏ huyện, Ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc da cam...
- Tích cực tham gia các cuộc thi trực tuyến, trực tiếp do nhà trường và các cấp tổ chức.

6. Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư

- Trường có 4 dãy nhà, trong đó:
 - + Nhà B2: Gồm 8 phòng học, có đầy đủ quạt mát, ánh sáng, máy chiếu, hệ thống camera, bàn ghế đúng kích cỡ.
 - + Nhà B1 mới xây: Gồm 8 phòng học trong đó có 04 phòng được sử dụng làm phòng học có đầy đủ quạt mát, ánh sáng, máy chiếu, bàn ghế đúng kích cỡ.
 - + Nhà C: 01 phòng tin học với 45 máy tính, 02 phòng thực hành môn KHTN, phòng âm nhạc, mỹ thuật, phòng lap.
 - + Nhà D: Khu nhà Hiệu bộ là nơi làm việc của lãnh đạo trường và các cán bộ, nhân viên, giáo viên.

Ngoài các dãy nhà làm phòng học và phòng làm việc còn có đầy đủ sân chơi và hệ thống cây xanh được quy hoạch khoa học

- Trong năm học nhà trường rà soát csvc, trang thiết bị dạy học và kịp thời mua bổ sung đáp ứng chương trình GDPT 2018 và đáp ứng việc chuyển đổi số của ngành đang thực hiện.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hưng Yên (để b/c);
- Thông báo (niêm yết);
- Lưu: VT.